

UBND HUYỆN GIA LỘC
TRƯỜNG MN HOÀNG DIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hoàng Diệu, ngày 12 tháng 6 năm 2025

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

- Trường mầm non Hoàng Diệu được thành lập chuyển đổi từ trường Bán công Hoàng Diệu sang trường Mầm non Hoàng Diệu theo Quyết định số: 4514/QĐ-UBND 17/06/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Gia Lộc.
- Địa chỉ: Xã Hoàng Diệu – huyện Gia Lộc – tỉnh Hải Dương - Đại diện: Bà Nguyễn Thị Mai - chức vụ Hiệu trưởng.
- Website của nhà trường: <https://gl-mnhoangdieu.haiduong.edu.vn>

Năm học 2024-2025 trường có 19 nhóm lớp. Trong đó 05 nhóm lớp nhà trẻ, 05 nhóm lớp 3 tuổi, 05 nhóm lớp 4 tuổi và 04 nhóm lớp 5 tuổi:

STT	Nhóm lớp	Số nhóm lớp	Số học sinh	Số giáo viên	Nhân viên nấu ăn
1	Nhà trẻ	05	85	10	4
2	Nhóm 3 – 4 tuổi	05	102	10	
3	Nhóm 4 – 5 tuổi	05	118	10	
4	Nhóm 5 – 6 tuổi	04	132	8	
	Tổng cộng	19	350	38	4

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm 2025:

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm 2025 của trường gồm 49 người (03 Viên chức quản lý, 38 viên chức giáo viên, 01 viên chức nhân viên KT, 04 NV nấu ăn, 03 NV bảo vệ). Trong đó:

T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Xếp loại chuẩn nghề nghiệp				Đánh giá, xếp loại viên chức			
			Đ H	C Đ	T C	KH TN V	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	T B	Kém	HTX SNV	HTT NV	HTN V	KHT NV
	Tổng số CBQL, GV và NV	42	38	4	0	0	10	31	1	40	1	0	0	8	34	0	0
I	Cán bộ Q. Lý	3	3	0	0	0	0	2	1	2	1	0	0	0	2	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0	0	1		1	0	0	0	1	0	0
2	P.Hiệu trưởng	2	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	2	0	0
II	Giáo viên	38	34	4	0	0	10	31	31	37	2	0	0	6	33	2	1
1	Nhà trẻ	10	8	2	0	0	3	7	0	10	0	0	0	3	7	0	0
2	Mẫu giáo	28	26	2	0	0	7	21	1	28	0	0	0	4	24	0	0
II	Nhân viên	8	1											1	0		
1	NV Kế toán	1	1											1	0		
2	NV Nuôi dưỡng	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	NV bảo vệ	3	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm 2025:

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm 2025 của trường gồm 42 người (03 Viên chức quản lý, 38 viên chức giáo viên, 01 viên chức nhân viên KT, 04 NV nấu ăn, 01 NV bảo vệ). Trong đó:

T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Xếp loại chuẩn nghề nghiệp				Đánh giá, xếp loại viên chức			
			ĐH	CĐ	T.C	KH TN V	Hạng g III	Hạ ng II	Hạng g I	T ốt	Kh á	T B	K é m	HTX SNV	HTT NV	HTN V	KHT NV
	Tổng số CBQL, GV và NV	49	37	4			10	31	1	37	2		0	6	33	2	1
I	Cán bộ Q. Lý	3	3					2	1	3					3		
1	Hiệu trưởng	1	1					0	1		1				1		
2	P.Hiệu trưởng	2	2					2	0	2					2		
II	Giáo viên	38	34	4			10	31	31	37	2		0	6	33	2	1
1	Nhà trẻ	10	8	2			3	7		8	2			1	7		
2	Mẫu giáo	28	26	2			7	21	1	29	0			4	24		
II I	Nhân viên	8	1											0	1		
1	NV Kế toán	1	1											1			
2	NV Nuôi dưỡng	4															
3	NV bảo vệ	3															

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm báo cáo 2025		Năm 2024	
		Số lượng	Bình quân	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	19	1/1	19	6,741,5
II	Loại phòng học				
1	Phòng học kiên cố	19	100	1	14
2	Phòng học bán kiên cố				
3	Phòng học tạm			1	
4	Phòng học nhờ				
III	Phòng chức năng, hiệu bộ, Y tế, vi tính, thư viện, hành chính quản trị	4	4	4	4
IV	Số điểm trường	3		3	
V	Tổng diện tích toàn trường (m ²)	6,741,5	16,85	6,741,5	16,85
VI	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	3,372	7,68	3,372	7,68
		3,372	7,68	3,372	7,68
VII	Tổng diện tích một số loại phòng				
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	918	2,3	918	2,3
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	0	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	145	0.33	145	0.33
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	354	98	354	98
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)				
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60	0,3	60	0.3

7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	180	0,41	180	0,41
VIII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (ĐVT: bộ)				
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có	19	19	19	19
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0	0	0
IX	Tổng số đồ chơi ngoài trời	25	0,06	25	0,06
X	Tổng số thiết bị điện tử, tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (Ti vi, Máy vi tính, máy chiếu,.....)	19	0.06	19	0.06
XI	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Điều hòa, máy in....)	17	0.89	23	1,21

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Tiếp tục phấn đấu các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I và kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT quy định; Căn cứ quy định tiêu chuẩn CSVC theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT.

Quan tâm đầu tư CSVC, đồ dùng, thiết bị theo hướng đồng bộ, hiện đại; tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất, đồ dùng để thực hiện áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo các tiêu chuẩn trường chuẩn mức độ I.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Căn cứ Kế hoạch số 148 /KH-GDĐT-MN ngày 8 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Gia lộc về Kế hoạch công tác giáo dục mầm non năm học 2024 - 2025; Từ đó, nhà trường xây dựng kế hoạch số 75//KH- MNPT ngày 14 tháng 9 năm 2024 của trường Mầm non Hoàng Diệu về Kế hoạch năm học 2024-2025: xây dựng kế hoạch chỉ đạo chuyên môn của khối nhà trẻ, nuôi dưỡng, chuyên môn khối mẫu giáo và kế hoạch của bộ phận phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng; kế hoạch thanh kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo...

Hàng năm nhà trường đều xây dựng quy chế phối hợp với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Thực đơn được thiết kế đa dạng, phong phú được thực hiện hàng tuần. Xây dựng thực đơn với nhiều món ăn hấp dẫn trẻ và được thay đổi liên tục để tạo sự hứng thú với món ăn. Đội ngũ cấp dưỡng có tay nghề và kinh nghiệm trong chế biến, luôn tìm tòi và sáng tạo các món ăn, thực phẩm được xắt thái to, nhỏ phù hợp tùy theo lứa tuổi của trẻ. Bên cạnh đó, giáo viên động viên, khuyến khích tạo tâm thế tốt cho trẻ trong giờ ăn giúp bé ăn hết suất. Ngoài ra, nhà trường cũng kết hợp chế độ dinh dưỡng hợp lý cho các trẻ suy dinh dưỡng (bổ sung cho trẻ ăn thêm buổi chiều), trẻ thừa cân - béo phì (ăn thêm rau luộc trong bữa ăn chính), đồng thời tăng cường vận động thể lực cho trẻ thừa cân - béo phì sau giờ thể dục sáng và trong hoạt động ngoài trời.

Kết quả chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân, thể thấp còi); trẻ thừa cân, béo phì (tính đến cuối năm học 2024 – 2025):

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	492	85	125	135	147
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	492	85	125	135	147
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0

II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở					
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	492	85	125	135	147
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	492	85	125	135	147
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	492	85	125	135	147
1	Phát triển bình thường về cân nặng	489	85	1	2	147
2	Suy dinh dưỡng cân nặng (thể nhẹ)	3	0	0	0	0
3	Phát triển bình thường về chiều cao	3	0	0	0	0
4	Trẻ thấp còi	0	0	0	0	0
5	Số trẻ em thừa cân, béo phì	2	0	0	0	0
VI	Số trẻ em học chương trình chăm sóc giáo dục mầm non	492	85	125	135	147

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề

1.1. Hoạt động hành chính sự nghiệp từ ngân sách nhà nước cấp, nguồn học phí năm 2023:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ số thống kê	Số quyết toán
A	Các khoản thu phân theo nguồn kinh phí	
1	Ngân sách nhà nước	5.736.501.000

1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
1.2	Số kinh phí được cấp	5.736.501.000
	Kinh phí thường xuyên	5.667.921.000
	Kinh phí không thường xuyên	68.580.000
2	Học phí	563.300.300
	Số dư năm 2024 chuyển sang	130.715.800
	Số thu trong năm	432.584.500
B	Các khoản chi	
I	Ngân sách nhà nước	5.736.501.000
1	Chi tiền lương và thu nhập	
	Chi Lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên	4.318.281.146
2	Chi chuyên môn, mua sắm, sửa chữa	1.344.624.854
3	Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học, cấp bù học phí, hỗ trợ ăn trưa	72.512.500
4	Số dư chương trình mục tiêu chuyển sang năm sau	1.082.500
II	Chi nguồn học phí	
1	Chi tiền lương và thu nhập	125.332.000
2	Chi chuyên môn, mua sắm, sửa chữa	248.000.200
3	Số dư chuyển năm 2024	189.968.000

1.2. Thu chi các khoản thu khác năm học 2023 - 2024:

Đơn vị tính: Đồng

	Các khoản thu	Tổng thu	Tổng chi	Còn lại
1	Tiền chăm sóc bán trú	470.218.000	470.218.000	0
2	Tiền làm thứ 7	226.887.500	226.887.500	0
3	Tiền phụ phí (Chất đốt)	81.424.500	81.424.500	0
4	Tiền đồ dùng đồ chơi, học liệu	93.662.0000	93.662.0000	0
5	Tiền vệ sinh trường, lớp	61.119.000	61.119.000	0
6	Tiền đồ dùng bán trú	26.952.000	26.952.000	0
7	Tiền nước uống tinh khiết	24.325.000	24.325.000	0
8	Tiền vận động, Tài trợ	81.424.500	81.424.500	0
9	Tiền làm hè	613.795.000	613.795.000	0
10	Tiền điện điều hòa	43.646.100	43.536.700	109.400

2. Dự kiến các khoản thu năm học 2024 – 2025

- Chờ hướng dẫn của cơ quan cấp trên về các khoản thu thỏa thuận. sau khi có văn bản hướng dẫn nhà trường sẽ thực hiện thu – chi theo đúng quy định.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Không có.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Về nhiệm vụ:

Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ sáu tháng tuổi đến năm tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; Tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật.

Xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu đáp ứng nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ. Phối hợp với gia đình trẻ em, các tổ chức để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

Thực hiện kiểm tra chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt nội dung Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh:

Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các phong trào thi đua của ngành học và chính quyền địa phương phát động góp phần nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Triển khai có hiệu quả và sáng tạo phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện

-Học sinh tích cực” gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”. CB-GV-NV trong nhà trường không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, luôn quan tâm và yêu thương trẻ, trách nhiệm, tận tâm, yêu thương học sinh, xây dựng lối sống trong sạch, lành mạnh, tác phong mẫu mực mô phạm; tích cực trong học tập, bồi dưỡng, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao mức đạt được trong chuẩn nghề nghiệp, chuẩn cán bộ quản lý; đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

3. Tăng cường chuyển đổi số, đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục và đào tạo (GDDT); tăng cường các điều kiện đảm bảo và kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy và học trực tuyến, trên truyền hình và kiểm tra, đánh giá:

. Công tác chuyển đổi số

-Nhà trường tiếp tục sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị dạy học cho các lớp.

Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên qua nhiều hình thức; đội ngũ giáo viên trẻ, năng động, có tâm, nhiệt tình, có chuyên môn nghiệp vụ và có khả năng đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.

Nhà trường đã tổ chức đa dạng các hội thi, nhằm khuyến khích động viên giáo viên nâng cao tay nghề, vận dụng công nghệ thông tin vào bài giảng, giúp học sinh hứng thú, tập trung chú ý, say mê học tập, nâng cao chất lượng dạy và học.

-Khuyến khích đội ngũ giáo viên thiết kế các bài giảng điện tử, tạo nguồn học liệu cho nhà trường chia sẻ học tập lẫn nhau.

4. Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, hiệu lực, hiệu quả, thể hiện trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục, bảo đảm vai trò kiến tạo để phát triển giáo dục:

- Phân công cho quản lý và nhân viên phụ trách các phần mềm nhằm kịp thời cập nhật cơ sở dữ liệu, quản lý hồ sơ nhà trường.

- Phân công cho các phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn trong hoạt động chăm sóc giáo dục tại trường.

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục + Tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp học mầm non : 01 giáo viên công nhận giáo viên giỏi cấp huyện

+ 100% CBQL-GV tham gia lớp bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng Hè, bồi dưỡng chính trị và chuyên đề do Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục và Nhà trường tổ chức.



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Mai